| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THÁI THỤY**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18/01/2023
*V/v tranh chấp ly hôn*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Vũ Việt Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Văn Tiến.

2. Ông Hoàng Văn Tuấn.

***- Thư ký phiên toà****:* Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh B

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh B

*(Chị L có mặt, anh C vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trần Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/9/2000 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 2/4/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị phát hiện anh C ngoại tình. Sau đó, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày một lớn khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đã làm đơn

xin ly hôn anh C tại TAND huyện Thái Thụy. Sau đó Tòa án đã hòa giải, anh C cũng hứa sẽ thay đổi, chị đồng ý cho anh C thêm một cơ hội nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi về chung sống, anh C vẫn tiếp tục có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữa khác. Tháng 12/2021, chị sinh một cháu trai tuy nhiên do sinh non nên cháu chết sau 5 ngày sinh. Mặc dù, chị rất suy sụp sau khi con chị mất nhưng anh không hề quan tâm đến chị. Đến nay, anh C còn xỉ nhục nhân phẩm của chị do nghi ngờ chị ngoại tình. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh C nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Đức C, sinh ngày 20/4/2004 và Hoàng Minh A, sinh ngày 28/02/2020. Hiện con Hoàng Đức C đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ly nhận trực tiếp nuôi con Hoàng Minh A và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị xác định tháng 5/2022 vợ chồng chị có vay Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 100.000.000 đồng thông qua Hội nông dân thôn Đ, nếu vợ chồng ly hôn chị sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này với Quỹ tín dụng nhân dân A, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ này. Đối với số nợ chị Hoàng Thị T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số nhà 34/81, ngõ Hòa Bình 7, phường M, quận H, thành phố H 1,2 cây vàng và 30.000.000 đồng mà anh C trình bày, chị xác định chị không vay, nếu anh C vay thì anh C tự trả.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Hoàng Văn C trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/9/2000 tại UBND xã A, huyện T , tỉnh B . Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị Ly ngoại tình, sau đó anh cũng có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến chị Ly đã làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện T và được Tòa án hòa giải nên hai vợ chồng thống nhất đoàn tụ để cùng nuôi dạy con. Sau khi về chung sống một thời gian thì chị L lại tiếp tục có quan hệ bất chính với người khác nên từ tháng 6/2022 chị Lý đã đi khỏi nhà và sống ly thân với anh. Anh đã cho chị Ly cơ hội và khuyên chị quay lại đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Nay chị L xin ly hôn, anh thấy vẫn còn tình cảm với chị Lý nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Hoàng Văn C xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Đức C, sinh ngày 20/4/2004 và Hoàng Minh A, sinh ngày 28/02/2020.

Hiện con Hoàng Đức C đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do con Minh A chưa đủ 3 tuổi nên anh đồng ý giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi con Hoàng Minh A và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng có vay nợ Hội nông dân thôn A số tiền 100.000.000 đồng, vay từ tháng 4/2022, chị L là người đứng ra vay và nhận tiền, anh có ký hợp đồng vay tiền, mục đích vay là gì thì anh không biết nên anh đề nghị chị L phải trả toàn bộ số nợ này; vay của chị Hoàng Thị T Nội 1,2 cây vàng và 30.000.000 đồng từ năm 2019 để trả nợ của chị L, anh đề nghị chia đôi số nợ này. Ngoài ra vợ chồng anh không còn nợ chung nào khác.

** Tại biên bản xác minh ngày 29/11/2021, Ủy ban nhân dân xã Thái Thịnh cung cấp:* Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh B ngày 05/9/2000. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng địa phương không nắm được nhưng hiện cả hai đã sống ly thân. Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là Hoàng Đức C, sinh ngày 20/02/2004 và Hoàng Minh A, sinh ngày 28/02/2020. Về tài sản chung và nợ chung giữa anh C và chị L địa phương không nắm được, hiện không có phản ánh của cá nhân, tổ chức nào về việc chị L và anh C vay nợ.

*Tại bản trình bày ý kiến, Quỹ tín dụng nhân dân A trình bày:* Tháng 5/2022, anh C và chị L có vay của Quỹ tín dụng nhân dân A 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 22/5/2025. Sau khi chị Lý khởi kiện xin ly hôn anh C, chị L đã đến Quỹ tín dụng nhân dân A và nhận trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên khi đến hạn và hiện hàng tháng chị L vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ của khoản nợ này, khoản nợ cũng chưa đến hạn nên Quỹ tín dụng nhân dân A không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ trên trong vụ án này.

*Tại đơn trình bày đề ngày 21/12/2022, chị Hoàng Thị T trình bày:* Chị xác định có cho vợ chồng chị L và anh C vay 1,2 cây vàng 9999 và 30.000.000 đồng để vợ chồng anh C làm nhà. Nay chị L và anh C xin ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên trong vụ án này.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Hoàng Văn C ; Về quan hệ con chung: Con Hoàng Đức C, sinh ngày 20/4/2004, đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Xử giao con Hoàng Minh A, sinh ngày 28/02/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Hoàng Văn C cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng. Về tài sản chung: Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Do Quỹ tín dụng nhân dân A và chị Hoàng Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A , huyện T, tỉnh B, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C là hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cả hai đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Anh C xác định vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn tuy nhiên khi Tòa án tiến hành hòa giải anh C tự ý bỏ về do mâu thuẫn với chị L trong quá trình xác định nợ chung, anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, sau đó anh không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh còn thiết tha đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Đức C, sinh ngày 20/4/2004 và Hoàng Minh A, sinh ngày 28/02/2020. Con Hoàng Đức C đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, chị L và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C đều có nguyện vọng giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi con Hoàng Minh A và anh Hoàng Văn C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, hiện con Hoàng Minh A dưới 36 tháng tuổi nên cần giao con Hoàng Minh A cho chị Trần Thị L nuôi và anh Hoàng Văn C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C đều xác định vợ chồng thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về vợ chung: Quỹ tín dụng nhân dân A và chị Hoàng Thị T đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ với chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Hoàng Văn C.

*2. Về con chung:* Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C có 02 con chung là Hoàng Đức C, sinh ngày 20/4/2004 và Hoàng Minh A, sinh ngày 28/02/2020. Con Hoàng Đức C đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, chị L và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi con Hoàng Minh A và anh Hoàng Văn C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

*3. Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra giải quyết.

*4. Về án phí:* Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Trần Thị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004272 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí, chị Trần Thị L đã thi hành xong án phí.

*5. Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị L có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;*
*- Chi cục THADS huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;*
*- UBND xã Thái Thịnh (Nơi ĐKKH);*
*- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Việt Hưng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Việt Hưng**